

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 73/2025/DSST
Ngày 28/11/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày: 27, 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLST ngày 08 tháng 8 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962

Địa chỉ HKTT: ấp Thạnh Tây A, xã ĐH, tỉnh AG

Nơi cư trú: ấp HL, xã TL, tỉnh AG

- Bị đơn: Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1985

Bà **Huỳnh Kim A**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã TL, tỉnh AG

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Kiều D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp HP, xã TL, tỉnh AG.

(Bà H có mặt tại phiên tòa, ông K, bà KA vắng mặt, bà D xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào ngày 15/9/2022 âm lịch (ngày 10/10/2022 dương lịch), vợ chồng ông K, bà K.A có đến nhà của bà H hỏi vay số tiền gốc là 55.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.750.000 đồng/tháng (tương đương 5%/tháng), thời hạn vay đến ngày 15/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 06/01/2023 dương lịch) trả tiền gốc và tiền lãi. Khi vay, cả hai bên có làm biên nhận nợ.

Khi đến hạn trả nợ, ông K, bà K.A chỉ trả được tiền lãi đến ngày 10/01/2023 dương lịch mà không có trả tiền gốc. Tuy nhiên, ông K, bà K.A có hẹn lại 03 tháng sau sẽ trả hết tiền gốc và tiền lãi cho bà nhưng khi đến hạn trả nợ ông K, bà K.A đòi dỡ phần đồ đạc còn trong nhà đã thuê của bà xong thì ông Khánh, bà Kim Anh mới trả nợ.

Do đó, bà H có nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì ông Khánh, bà Kim Anh cho rằng đã trả cho bà H xong phần tiền gốc và chỉ còn nợ lại số tiền lãi là 11.000.000 đồng. Bà H khẳng định, ông Khánh, bà Kim Anh đã trả tiền lãi cho bà đến ngày 05/02/2023 dương lịch và còn nợ lại bà số tiền gốc 55.000.000 đồng đến nay chưa trả. Sau đó ông Khánh, bà Kim Anh đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống từ lâu, phần vật tư của ông Khánh, bà Kim Anh bỏ lại kiot của bà hiện nay chỉ còn lại vài tấm tol dùng vách.

Bà H xác định rằng vợ chồng ông Khánh, bà Kim Anh có trả tiền lãi cho bà đến ngày 05/02/2023 dương lịch với số tiền là 8.250.000 đồng tương đương với lãi suất 5%/tháng, bà H thống nhất khấu trừ tiền lãi trả vượt mức vào tiền gốc cho bị đơn.

Tại phiên toà, bà H yêu cầu: Buộc ông Khánh, bà Kim Anh trả cho bà H số tiền gốc đã vay là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 06/02/2023 dương lịch cho đến khi xét xử.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A trình bày:***

ông K, bà K.A xác nhận vợ chồng ông bà có vay của bà H số tiền gốc 55.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 2.750.000 đồng. Trong quá trình vay, vợ chồng ông bà có trả lãi cho bà H hàng tháng, tính đến tháng 01/2023 ông bà đã trả cho bà H số tiền gốc là 45.000.000đ, sau hai ngày ông bà trả thêm 10.000.000đ, như vậy ông bà đã trả đủ tiền gốc cho bà H, chỉ còn số tiền lãi là 11.000.000đ chưa trả. Khi trả tiền gốc cho bà H, chỉ có mặt 02 người chị của bà H, ngoài ra không có ai khác và cũng không có giấy tờ để chứng minh. Đến khi ông bà hẹn trả tiền lãi, bà

H có đến nhà ông bà để đòi tiền thì giữa hai bên có xảy ra cự cãi không thống nhất được với nhau, việc này ông bà có ghi âm lại.

Việc ông bà không yêu cầu bà H xé giấy biên nhận khi trả xong phần tiền gốc là do ông bà quên. Vài ngày sau, khi ông bà nhớ đến việc có biên nhận nợ thì ông bà trực tiếp gặp bà H để yêu cầu bà H xé giấy nợ. Tuy nhiên, bà H cho rằng khi nào ông bà trả số tiền lãi 11.000.000 đồng thì bà xé biên nhận nợ. Ngoài ra, ông bà có yêu cầu bà H cho tháo dỡ phần đồ trong nhà thuê của bà H thì bà H cản trở không cho ông bà tháo dỡ.

Nay ông bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H, ông bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền lãi còn nợ là 11.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà H cho ông bà tháo dỡ phần đồ mà ông bà đã đầu tư trong lúc ông bà thuê nhà.

**** Người làm chứng bà Nguyễn Kiều D trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2025:***

Bà D là con ruột của bà Nguyễn Thị H, trước năm 2021 bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: ấp Hoà Lộc, xã Thanh Lộc, tỉnh An Giang có 01 căn kiot cho bà D quản lý và thu tiền, trước năm 2021 có vợ chồng ông Võ Văn K, bà Huỳnh Kim A tới ở trọ tại căn kiot của bà H, bà Diễm quản lý và thu tiền trọ của vợ chồng ông K, bà K.A.

Sự việc mẹ bà – bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng ông K, bà K.A vay tiền thì bà hoàn toàn không hay biết mẹ bà cho vay bao nhiêu tiền và vay vào thời điểm nào, đến khoảng tháng 3/2023 thì mẹ bà và vợ chồng ông K, bà K.A cãi nhau đòi dỡ tol thiếc di dời đi thì bà mới hay biết sự việc mẹ bà cho vợ chồng ông K, bà K.A vay tiền.

Sau đó (không nhớ rõ ngày tháng năm cụ thể) bà H có kêu bà chở bà H đến nhà trọ của vợ chồng ông K, bà K.A (lúc này vợ chồng ông K, bà K.A đã di dời qua ở nhà trọ khác) để đòi tiền mẹ của K.A, hai bên có cãi nhau qua lại, sự việc K.A ghi âm việc cãi nhau lúc nào thì bà không hay biết.

Nội dung cãi nhau giữa hai bên trong đoạn ghi âm mà Toà án đã cho bà nghe thì bà xác định rằng bà có nói câu “*ê 55 triệu trả được chứ mày mười mấy triệu trả không được*” nhưng đó chỉ là câu nói cãi đôi co với câu nói trước đó của K.A, câu nói của bà không phải xác định việc vợ chồng ông K, bà K.A đã trả nợ xong cho bà H vì lúc đó bà hoàn toàn không biết bà H cho vợ chồng ông K, bà K.A vay bao nhiêu. Đồng thời nếu trước đó bà biết sự việc vợ chồng ông K, bà K.A còn nợ tiền của bà H thì bà đã không cho vợ chồng ông K, bà K.A dọn đi qua nhà trọ khác rồi.

Nay bà xác định sự việc bà H cho vợ chồng ông K, bà K.A vay tiền thì bà không

biết và bà cũng chưa bao giờ nhận thay bà H bất cứ số tiền nào từ vợ chồng ông K, bà K.A trả cho bà H. Bà Dxin được vắng mặt tại tất cả các phiên hoà giải, đối chất, xét xử trong vụ án này.

**** Biên bản xác minh Công an xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang ngày 17/10/2025:***

Ông Võ Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp Hoà Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang; bà Huỳnh Kim A không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp Hoà Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang; ông K, bà K.A có một khoảng thời gian thuê nhà trọ của bà Nguyễn Thị H tại ấp Hoà Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang để sinh sống nhưng từ khoảng tháng 7/2024 thì ông K, bà K.A không có mặt tại nơi cư trú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vi phạm thời gian theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A trả số tiền vay gốc 49.505.500 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu phần án phí đối với số tiền không được chấp nhận; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A phải trả số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định pháp luật nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, đồng thời bị đơn ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A có nơi cư trú tại ấp Hòa Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang (trước đây là ấp ấp Hòa Phước, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt đương sự*: Bị đơn ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh ông Võ Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang nhưng ông K, bà K.A vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 7/2024. Mặc dù ông K và bà K.A đã biết rằng vụ án này đang được giải quyết tại Toà án nhưng ông K, bà K.A lại bỏ địa phương mà không tiếp tục tham gia tố tụng tại Toà án thì xem như ông K, bà K.A từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời Toà án đã triệu tập ông K, bà K.A hợp lệ lần thứ hai nhưng ông K, bà K.A vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu buộc bị đơn ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A phải trả số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 06/02/2023 dương lịch đến ngày xét xử, đồng thời bà H thống nhất khấu trừ tiền lãi mà bị đơn ông K, bà K.A đã trả vượt mức vào tiền gốc cho bị đơn.

Hội đồng xét xử thấy: Việc bà H cho vợ chồng ông K, bà K.A vay 55.000.000 đồng được các bên lập giấy biên nhận, quá trình giải quyết ông K, bà K.A thừa nhận có vay bà H số tiền này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc ông K, bà K.A cho rằng đã trả cho bà H số tiền gốc là 55.000.000đ nhưng ông bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông K, bà K.A cung cấp cho Tòa án 01 USB có chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà K.A với bà Diễm - con gái bà H; 01 đơn trình báo trích nội dung đoạn ghi âm. Toà án đã ra Quyết định đối chất để cho các bên tham gia đối chất làm rõ nội dung trong đoạn ghi âm nhưng ông K, bà K.A vắng mặt nên không tiến hành đối chất vấn đề này được. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành làm việc với bà Nguyễn Kiều D thì bà xác nhận về câu nói “ê 55 triệu trả được chứ mày mười mấy triệu trả không được” là bà có nói trong đoạn ghi âm của

bà K.A vào lúc bà D chở bà H đến chỗ ở trọ của bà K.A để gặp mẹ của bà K.A đòi nợ và câu nói trong đoạn ghi âm bà D xác nhận có nói nhưng đó là câu nói khi cả hai xảy ra cự cãi với câu nói trước đó của bà K.A và bản thân bà D không hề biết bà K.A có vay tiền của mẹ bà. Ngoài ra trong đoạn ghi âm có nội dung câu nói của bà D là con bà H chứ không có nội dung bà H thừa nhận đã nhận số tiền gốc mà ông K, bà K.A trả nên không có giá trị chứng minh cho việc ông K, bà K.A đã trả xong số tiền nợ gốc.

Đối với yêu cầu của ông K, bà K.A cho rằng đã trả xong tiền vay gốc 55.000.000 đồng cho bà H và chỉ còn nợ tiền lãi 11.000.000 đồng thì Toà án đã ra Quyết định yêu cầu ông K, bà H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã trả xong tiền gốc nêu trên nhưng ông K, bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Đối với yêu cầu của ông K, bà K.A yêu cầu tháo gỡ các vật tư đã đầu tư khi vào thuê nhà của bà H, tại phiên tòa ngày 25/4/2024 bị đơn đã tham gia phiên tòa và cũng đã biết được việc phải làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này để được Tòa án xem xét giải quyết, tuy nhiên sau khi Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang thụ lý giải quyết lại vụ án thì đã ra thông báo về việc yêu cầu phản tố cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh và Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông K, bà K.A nhưng bị đơn ông K, bà K.A vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày yêu cầu của mình, như vậy xem như bị đơn ông K, bà K.A từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định ông K, bà K.A có vay của bà H số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên do ông K, bà K.A vắng mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà K.A đối với phần lãi mà ông K, bà K.A đã trả vượt mức quy định của pháp luật thì cần khấu trừ tiền lãi trả vượt mức vào tiền gốc cho ông K, bà K.A.

Do đó Hội đồng xét xử xác định: Tiền lãi của số tiền gốc 55.000.000 đồng từ ngày 10/10/2022 dương lịch đến ngày 10/01/2023 dương lịch được tính theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau: 55.000.000 đồng x 1,67% x 3 tháng = 2.755.500 đồng, đối trừ với tiền lãi bà H đã nhận là 8.250.000 đồng thì dư ra số tiền 5.494.500 đồng nên được căn trừ vào tiền gốc 55.000.000 đồng, do đó tính đến hết ngày 10/01/2023 tiền gốc mà vợ chồng ông K, bà K.A còn nợ bà H là: 49.505.500 đồng.

Về tiền lãi: Do bà H thống nhất tính lãi trên số tiền gốc nêu trên kể từ ngày 06/02/2023 dương lịch đến ngày xét xử 27/11/2025 nên tiền lãi theo quy định pháp

luật đối với số tiền gốc 49.505.500 đồng được tính như sau: $49.505.500 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 33 \text{ tháng} = 27.862.000 \text{ đồng}$.

Như vậy đã có đủ căn cứ xác định vợ chồng ông K, bà K.A còn nợ bà H số tiền vay gốc là 49.505.500 đồng và tiền lãi là 27.862.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 77.367.500 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Võ Văn K, bà Huỳnh Kim A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 3.868.375 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H bị bác một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.494.500 đồng nhưng do bà H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Kim A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 49.505.500 đồng và tiền lãi là 27.862.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 77.367.500 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 5.494.500 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Địa điểm giao nhận tiền tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Văn K, bà Huỳnh Kim A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 3.868.375 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

